TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST
Ngày 07 – 3 – 2023
Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:
- Ông Hà Trọng Tâm.
- Ông Tạ Bửu Thương.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thúy Kiều, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 709/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 về việc "xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1980 (có mặt).

Nơi cư trú: đường T, khóm H, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Bích L, sinh năm: 1969 (vắng mặt).

Nơi cư trú: đường L, khóm B, phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 15/12/2022 và tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Bích L chung sống vợ chồng vào năm 2003, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên bất đồng trong cuộc sống và đã ly thân 03 năm. Nay anh xét thấy cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn tình cảm nên anh yêu cầu ly hôn chị L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Bích N, sinh ngày 14/8/2004, hiện con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh khai không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

- Đối với chị Nguyễn Bích L, mặc dù đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ nhiều lần đến phiên tòa để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án nhưng chị L vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Bích L đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng chị vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Bích L chung sống vợ chồng vào năm 2003, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, do đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh T xác định có 01 con chung tên Nguyễn Bích N, sinh ngày 14/8/2004, hiện con chung đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung: Anh T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét;

[5] Về nợ chung: Anh T khai vợ, chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng nên không đặt ra xem xét.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Bích L là vợ chồng.
- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Bích N, sinh ngày 14/8/2004, hiện con chung đã trưởng thành, nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.
- Về tài sản chung: Anh T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.
- Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ. Ngày 15 tháng 12 năm 2022, anh T đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0002613 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lê Thị Thu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.